

Số: 1205/TB-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025

Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. NGÀNH TUYỂN SINH VÀ CHỈ TIÊU DỰ KIẾN

STT	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kinh tế học	8310101	24
2	Kinh tế học (Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công)		
3	Kinh tế chính trị	8310102	17
4	Tài chính - Ngân hàng	8340201	29
5	Thương mại điện tử	8340122	35

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Tổ chức đào tạo: Đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (trực tuyến tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo).

3. PHƯƠNG THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo hình thức khảo sát năng lực đầu vào.

3.2. Đối tượng dự tuyển: là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng điều kiện dự tuyển theo quy định.

3.3. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

Người dự tuyển là người tham gia chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

b) Người dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương

đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định.

c) Người dự tuyển đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Ghi chú:

- Đối với người dự tuyển là người Việt Nam tốt nghiệp tại các CSĐT nước ngoài, văn bằng và bằng điểm do CSĐT nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, trường Đại học Kinh tế - Luật có thể ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện và yêu cầu người dự tuyển nộp văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện.

Thông tin liên hệ Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ: Nhà 8C, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 38683359; 024 38683359

Email: cnvb@moet.edu.vn

Website: naric.edu.vn

Trường hợp miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được công nhận để sử dụng tại Việt Nam được thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

4. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, BỔ SUNG KIẾN THỨC (Phụ lục II)

Trường hợp cần bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển trình độ thạc sĩ: Người đã tốt nghiệp trình độ đại học có ngành học thuộc danh mục ngành, nhóm ngành cần bổ sung kiến thức (cột thứ 3, bảng danh mục ngành tại phụ lục II).

5. ĐỐI TƯỢNG, CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

5.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Chính sách ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả 10% điểm khảo sát năng lực.

6. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH DỰ KIẾN

TT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh trực tuyến	9/2025 – 24/10/2025
2	Ứng viên nhận giấy báo dự tuyển	05/11/2025
3	Xét tuyển đánh giá năng lực đầu vào (*)	15/11/2025
4	Công bố kết quả và đăng ký phúc tra điểm	Tháng 12/2025
5	Họp HĐTS và công bố kết quả	Tháng 12/2025
6	Ứng viên nhận giấy báo trúng tuyển	Tháng 12/2025
7	Thực hiện thủ tục nhập học	Tháng 12/2025
8	Công nhận học viên chính thức	Tháng 12/2025
9	Lễ khai giảng và sinh hoạt đầu khóa	Tháng 01/2025

7. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ LIÊN QUAN

- Lệ phí xét tuyển: 300.000 đ/người dự tuyển
- Bổ sung kiến thức: 560.000đ/tín chỉ
- Phúc khảo điểm đánh giá năng lực đầu vào: 300.000 đ

Mức thu học phí đào tạo

STT	Ngành/Chuyên ngành	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1.	Kinh tế học	37.000.000 đ	37.000.000 đ
2.	Kinh tế chính trị		
3.	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công		
4.	Tài chính – Ngân hàng		
5.	Thương mại điện tử		

8. DANH MỤC HỒ SƠ DỰ TUYỂN (*)

STT	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Ghi chú
1	Phiếu dẫn g ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (Phụ lục III) Khai báo trực tuyến tại: http://dkxtdh.uel.edu.vn	Khai báo trực tuyến (*) và đăng tải hồ sơ
2	Bằng tốt nghiệp đại học	Đăng tải hồ sơ
3	Bảng điểm đại học	Đăng tải hồ sơ
4	Mình chứng các giải thưởng khoa học và bài báo công bố của thí sinh có liên quan đến ngành/chuyên ngành dự tuyển (bản sao có công chứng đối với giải thưởng	Đăng tải hồ sơ

STT	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Ghi chú
	khoa học; trang bìa tạp chí, trang mục lục và các trang toàn bài đối với bài báo) (nếu có)	
5	Mình chứng về văn bằng, chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
6	File mềm ảnh 4x6, rõ nét, chụp trong thời gian không quá 06 tháng theo chuẩn passport	Đăng tải hồ sơ
7	CMND/CCCD	Đăng tải hồ sơ
8	Mình chứng đối tượng ưu tiên (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
9	Mình chứng đóng phí	Đăng tải hồ sơ
(*) Người dự tuyển cam kết chịu trách nhiệm đối với hồ sơ khai báo trực tuyến trên hệ thống và nộp bản cứng sau khi trúng tuyển theo đúng quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật. Trường không hoàn trả khoản thu dịch vụ tuyển sinh, lệ phí xét tuyển liên quan đến hồ sơ xét tuyển không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định.		

9. ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669 Đỗ Mười, khu phố 13, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. ĐỊA ĐIỂM HỌC VÀ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa điểm 1: Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669 Đỗ Mười, khu phố 13, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa điểm 2: Văn phòng Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại tuyển sinh: **028 88899909**

Website: <https://tuyensinh.uel.edu.vn/>

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Các Khoa đào tạo sau đại học (để th/t);
- Phòng Tài chính, Truyền thông (để ph/h);
- Đăng tải trên website (để th/t);
- Lưu: VT, P.SĐH&KH&CN (QN,05).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

PHỤ LỤC I

VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Các chứng chỉ được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày tổ chức xét tuyển, được cấp bởi cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: 160 - 179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
		Aptis ESOL	B1	B2
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic) Cấp từ 30/8/2024	43 - 58	59 - 75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 - 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Cơ sở tổ chức thi và cấp chứng chỉ: căn cứ theo Điều 5, Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/07/2022 danh sách các đơn vị được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Cục Quản lý chất lượng Bộ GD-ĐT cập nhật tại website: <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-khao-thi/thong-bao/>

Chứng chỉ cần đảm bảo đúng theo mẫu chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 5023/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ

26 cm

Mặt sau

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence – Freedom – Happiness CERTIFICATE OF PROFICIENCY IN(1) Level:(2)(3) This is to certify that Full name(4)..... Date of birth(5)..... Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam Date of Exam(6)..... Overall Score(7)..... Listening:(8)..... Reading:(8)..... Speaking:(8)..... Writing:(8).....(9)..... Decision number:(11)..... Certificate number:(12)..... Reference number:(13).....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ Ngôn ngữ:(1) Bậc:(2)(3) Cấp cho Họ và tên(4)..... Ngày sinh(5)..... Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Ngày thi(6)..... Điểm thi(7)..... Nghe:(8)..... Đọc:(8)..... Nói:(8)..... Viết:(8).....(9)..... ngày tháng năm (Ký, đóng dấu)(10)..... Số Quyết định:(11)..... Số hiệu:(12)..... Số vào sổ cấp chứng chỉ:(13).....
--	--

26 cm

Mặt sau

3. Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn thi ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật.

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có).

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VÀ MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, danh mục ngành phù hợp
Căn cứ thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
Các quy định khác theo quy chế tổ chức và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Ngành/chuyên ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp trình độ đại học phù hợp không cần học bổ sung kiến thức	Danh mục ngành, nhóm ngành cần bổ sung kiến thức	Môn học bổ sung kiến thức
Ngành Kinh tế học, bao gồm: - chuyên ngành Kinh tế học - chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	1. Các nhóm ngành: 73101 Kinh tế học 73102 Khoa học chính trị 73103 Xã hội học và Nhân học 73104 Tâm lý học 73105 Địa lý học 73106 Khu vực học 73109 Khác thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi 73401 Kinh doanh 73402 Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm 73403 Kế toán - Kiểm toán 73404 Quản trị - Quản lý 73409 Khác thuộc nhóm Kinh doanh và quản lý 2. Các ngành: 7510601 Quản lý công nghiệp 7510604 Kinh tế công nghiệp 7580301 Kinh tế xây dựng 7620115 Kinh tế nông nghiệp 7810501 Kinh tế gia đình 7840104 Kinh tế vận tải 7850102 Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Các ngành thuộc các lĩnh vực: 722 Nhân văn 732 Báo chí và thông tin 738 Luật 744 Khoa học tự nhiên 746 Toán và thống kê 748 Máy tính và công nghệ thông tin 751 Công nghệ kỹ thuật 752 Kỹ thuật 758 Kiến trúc và xây dựng 762 Nông, lâm nghiệp và thủy sản 772 Sức khỏe 781 Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân 784 Dịch vụ vận tải 785 Môi trường và bảo vệ môi trường	1. Kinh tế học (3 tín chỉ) 2. Quản trị học (2 tín chỉ)

Ngành/chuyên ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp trình độ đại học phù hợp không cần học bổ sung kiến thức	Danh mục ngành, nhóm ngành cần bổ sung kiến thức	Môn học bổ sung kiến thức
Ngành Kinh tế chính trị	1. Các nhóm ngành: 73101 Kinh tế học 73102 Khoa học chính trị 73103 Xã hội học và Nhân học 73104 Tâm lý học 73105 Địa lý học 73106 Khu vực học 73109 Khác thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi 73401 Kinh doanh 73402 Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm 73403 Kế toán - Kiểm toán 73404 Quản trị - Quản lý 73409 Khác thuộc nhóm Kinh doanh và quản lý 2. Các ngành: 7510601 Quản lý công nghiệp 7510604 Kinh tế công nghiệp 7580301 Kinh tế xây dựng 7620115 Kinh tế nông nghiệp 7810501 Kinh tế gia đình 7840104 Kinh tế vận tải 7850102 Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Các ngành thuộc lĩnh vực: 714 Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên 722 Nhân văn 732 Báo chí và thông tin 738 Pháp luật 742 Khoa học sự sống 744 Khoa học tự nhiên 746 Toán và thống kê 748 Máy tính và công nghệ thông tin 751 Công nghệ kỹ thuật 752 Kỹ thuật 754 Sản xuất và chế biến 758 Kiến trúc và xây dựng 762 Nông, lâm nghiệp và thủy sản 772 Sức khỏe 776 Dịch vụ xã hội 781 Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân 784 Dịch vụ vận tải 785 Môi trường và bảo vệ môi trường 786 An ninh, Quốc phòng	1. Kinh tế học (3 tín chỉ) 2. Quản trị học (2 tín chỉ)

Ngành/chuyên ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp trình độ đại học phù hợp không cần học bổ sung kiến thức	Danh mục ngành, nhóm ngành cần bổ sung kiến thức	Môn học bổ sung kiến thức
Ngành Tài chính – Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng)	Các nhóm ngành: 73401 Kinh doanh 73402 Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm 73403 Kế toán - Kiểm toán 73404 Quản trị - Quản lý	Các nhóm ngành: 73101 Kinh tế học 73102 Khoa học chính trị 74601 Toán học 74602 Thống kê 74801 Máy tính 74802 Công nghệ thông tin 75106 Quản lý công nghiệp	1. Kinh tế học (3 tín chỉ) 2. Quản trị tài chính (2 tín chỉ)
Ngành Thương mại điện tử	Các ngành: 7340121 Kinh doanh thương mại 7340122 Thương mại điện tử 7340405 Hệ thống thông tin quản lý 7480101 Khoa học máy tính 7480102 Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu 7480103 Kỹ thuật phần mềm 7480104 Hệ thống thông tin 7480106 Kỹ thuật máy tính 7480107 Trí tuệ nhân tạo 7480108 Công nghệ kỹ thuật máy tính 7480201 Công nghệ thông tin 7480202 An toàn thông tin 7340205 Công nghệ tài chính 7310109 Kinh tế số	Bao gồm các ngành còn lại của nhóm ngành: 73101 Kinh tế học 73401 Kinh doanh 73402 Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm 73403 Kế toán - Kiểm toán 73404 Quản trị - Quản lý 74601 Toán học 74602 Thống kê 74801 Máy tính 74802 Công nghệ thông tin 75106 Quản lý công nghiệp	1. Thương mại điện tử (2 tín chỉ) 2. Hệ thống thông tin kinh doanh (2 tín chỉ)

PHỤ LỤC III
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Kính gửi: **Hội đồng Tuyển sinh SDH Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM**

I. Thông tin cá nhân

Tôi tên là:
Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:
Tôn giáo: Giới tính:
CCCD/CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
Quốc tịch: Dân tộc:
Địa chỉ liên lạc:
Số điện thoại: Email:
Nghề nghiệp:
Cơ quan công tác:
Đối tượng ưu tiên:

II. Quá trình đào tạo đại học

Tốt nghiệp Trường/Viện:
Ngành học:
Thời gian đào tạo từ đến:
Xếp hạng tốt nghiệp: (xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá, trung bình):
Bài báo khoa học, đề tài NCKH, giải thưởng khoa học các cấp, tham gia các hội nghị khoa học quốc tế (nếu có):
.....
.....

III. Thông tin chuyên ngành đăng ký

*(Theo quy định, người dự tuyển phải tốt nghiệp hoặc công nhận tốt nghiệp đại học, trình độ tương đương trở lên các ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạn tốt nghiệp từ loại **khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu**)*

Đăng ký dự tuyển ngành/chuyên ngành:

Chương trình định hướng: ☐ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

(người dự tuyển điền thông tin trùng khớp thông tin tại trang đăng ký trực tuyến)

IV. Điều kiện ngoại ngữ

Hiện nay tôi đã đạt điều kiện đầu vào ngoại ngữ, cụ thể (chọn ô tương ứng):

☐ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật.

☐ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

☐ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/ đề án/ khóa luận) được BGD&ĐT hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

☐ Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT. Còn hiệu lực đến ngày tổ chức xét tuyển.

☐ Là công dân nước ngoài có trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt

Lưu ý: Trong trường hợp chưa có chứng chỉ ngoại ngữ đạt điều kiện đầu vào, người dự tuyển **không thuộc đối tượng** đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025.

Tôi cam đoan các thông tin cung cấp trong hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật. Tôi sẽ chịu trách nhiệm về tính chính xác, xác thực và đúng quy định của pháp luật đối với toàn bộ chứng chỉ, bằng cấp, tài liệu, hồ sơ của cá nhân. Trong trường hợp có sai phạm liên quan đến hồ sơ, Trường Đại học Kinh tế - Luật có quyền hủy kết quả tuyển sinh của tôi.

....., ngàythángnăm 202...

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)